Bài 4 QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1. Đọc lại *Chùm ca dao về quê hương đất nước* trong SGK (tr. 90 – 91) và trả lời các câu hỏi:

1. Chỉ ra những đặc điểm về cách phối thanh và ngắt nhịp của thơ lục bát được thể hiện trong hai dòng đầu của bài ca dao số 1.
2. Nêu những địa danh được nhắc đến trong bài ca dao số 1. Theo em, việc liệt kê hàng loạt các địa danh nổi tiếng đó nhằm mục đích gì?
3. Bài ca dao số 1 còn có một dị bản như sau:

Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương
Thuyền về xuôi mái dòng Hương
Biết đâu tâm sự đôi đường đắng cay?

Hiện tượng này tồn tại khá phổ biến trong ca dao. Hãy nêu một trường hợp tương tự.

4. Theo em, trong bài ca dao số 2, nếu thay từ *ai* bằng từ *em* hoặc từ *anh* thì giá trị biểu đạt có thay đổi không?
5. Em hãy kể tên một bài ca dao khác cũng viết về xứ Lạng.
6. Bài ca dao số 3 ca ngợi vùng đất nào? Dựa vào đâu em biết được điều đó?
7. Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*.

Bài tập 2. Đọc lại bài thơ *Hành trình của bầy ong* trong SGK (tr. 106 – 107) và trả lời các câu hỏi:

1. Bài thơ được viết theo thể thơ gì? Dựa vào đâu em biết được điều đó?
2. Những chi tiết nào cho thấy bầy ong đã không quản gian khó để đem lại hương sắc, mật ngọt cho cuộc đời?
3. Theo em, vì sao tác giả có thể khẳng định "*Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào*"?
4. Qua bài thơ, em cảm nhận được phẩm chất đáng quý gì của bầy ong?
5. Từ hành trình của bầy ong, nhà thơ muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?
6. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu
Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.
Tìm nơi bờ biển sóng tràn
Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.
Tìm nơi quần đảo khơi xa
Có loài hoa nở như là không tên...

Bài tập 3. Đọc lại bài thơ *Chuyện cổ nước mình* (từ *Tôi yêu chuyện cổ nước tôi* đến *Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì*) trong SGK (tr. 93 – 94) và trả lời các câu hỏi:

1. Dựa vào đặc điểm về cách gieo vần của thơ lục bát, em hãy chỉ ra các tiếng được gieo vần với nhau trong đoạn thơ sau:

Mang theo chuyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.

2. Nhà thơ yêu những câu chuyện cổ nước mình vì những lí do gì?
3. *Ở hiền thì lại gặp hiền/ Người ngay thì gặp người tiên độ trì*. Em hãy kể tên những câu chuyện cổ Việt Nam thể hiện triết lí nhân sinh đó.
4. Các câu chuyện cổ ẩn chứa những nét đẹp tình người và những bài học cuộc sống. Những dòng thơ nào trong đoạn thơ cho em biết điều đó?
5. Theo em, vì sao tác giả có thể "nhận mặt ông cha" qua các câu chuyện cổ?
6. So sánh nghĩa của từ *vàng* trong hai trường hợp sau và cho biết đó là từ đồng âm hay từ đa nghĩa. Vì sao?

a. ***Vàng*** *cơn nắng, trắng cơn mưa*

b. *Cô ấy đeo rất nhiều* ***vàng***.

Bài tập 4. Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Ai xui ta nhớ Hàm Rồng
Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây.
Từ ta trở lại Sơn Tây
Con đường Nam, Bắc ít ngày vãng lai.
Sơn cầu còn đỏ chưa phai?
Non xanh còn đối sông dài còn sâu?
Còn thuyền đánh cá buông câu?
Còn xe lửa chạy trên cầu như xưa?
Lấy ai viếng cảnh bây giờ
Mà hay cảnh có đợi chờ cùng nhau!
Ước sao sông cứ còn sâu
Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh.

(Tản Đà, trích *Nhớ cảnh cầu Hàm Rồng*, trong *Tuyển tập Tản Đà*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 231 – 232)

1. Bài thơ viết về cảnh đẹp nào của đất nước? Hãy chỉ ra những hình ảnh tác giả sử dụng để miêu tả cảnh đẹp đó.
2. Tình cảm của nhà thơ được thể hiện như thế nào qua hai dòng thơ đầu: *Ai xui ta nhớ Hàm Rồng/ Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây*?
3. Việc tác giả sử dụng các câu hỏi nối tiếp kết hợp với biện pháp tu từ điệp ngữ đã thể hiện điều gì?
4. Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của hai dòng thơ: *Ước sao sông cứ còn sâu/ Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh*?
5. Qua đoạn thơ, em cảm nhận được tình cảm gì của tác giả?
6. Xác định và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ:

Lấy ai viếng cảnh bây giờ
Mà hay cảnh có đợi chờ cùng nhau!

Bài tập 5. Đọc đoạn thơ sau trong bài thơ *Gần lắm Trường Sa* của Lê Thị Kim và trả lời các câu hỏi:

Biết rằng xa lắm Trường Sa
Trùng dương ấy tôi chưa ra lần nào
Viết làm sao, viết làm sao
Câu thơ nào phải con tàu ra khơi

Thế mà đã có lòng tôi
Ở nơi cuối bến ở nơi cùng bờ
Phải đâu chùm đảo san hô
Cũng không giống một chùm thơ ngọt lành

Hỡi quần đảo cuối trời xanh
Như trăm hạt thóc vãi thành đảo con
Sóng bào mãi vẫn không mòn
Vẫn còn biển cả vẫn còn Trường Sa
[...] *Ở nơi sừng sững niềm tin*
Hỡi quần đảo của bốn nghìn năm qua
Tấm lòng theo mũi tàu ra
Với tôi quần đảo Trường Sa rất gần.

(Lê Thị Kim – Nguyễn Nhật Ánh, *Thành phố tháng Tư*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984, tr. 15 – 17)

1. Hãy chỉ ra những đặc điểm của thơ lục bát được thể hiện qua bốn dòng cuối của đoạn thơ.

2. Nêu những hình ảnh tác giả sử dụng để miêu tả quần đảo Trường Sa.
3. Theo em, vì sao nhà thơ khẳng định "*Với tôi quần đảo Trường Sa rất gần*"?
4. Bài thơ đã khơi gợi trong em tình cảm và trách nhiệm gì với đất nước, với biển đảo quê hương?
5. So sánh nghĩa của từ *mũi* trong hai trường hợp sau và cho biết đó là từ đồng âm hay từ đa nghĩa:

   a. *Tấm lòng theo* ***mũi*** *tàu ra*

   Với tôi quần đảo Trường Sa rất gần.

   b. *Bạn Lan có chiếc* ***mũi*** *dọc dừa rất đẹp.*
6. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong hai dòng thơ sau. Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.

Hỡi quần đảo cuối trời xanh

Như trăm hạt thóc vãi thành đảo con

Bài tập 6. Đọc bài ca dao sau và trả lời các câu hỏi:

Chiều chiều trước bến Văn Lâu[1]
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non.

(Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật – Phan Đăng Tài – Nguyễn Thuý Loan – Đặng Diệu Trang, *Kho tàng ca dao người Việt*, tập 1, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2001, tr. 515)

1. So với đặc điểm tiêu biểu của thơ lục bát được nêu ở phần Tri thức ngữ văn (SGK, tr. 89), số tiếng của các dòng trong bài ca dao này có gì khác biệt? Theo em, đây có phải là hiện tượng lục bát biến thể hay không?
2. Phần Tri thức ngữ văn cũng cho biết đặc điểm về cách phối thanh của thơ lục bát. Em hãy chỉ ra điểm khác biệt trong cách phối thanh ở bài ca dao trên.
3. Bài ca dao trên có điểm gì khác biệt về vị trí gieo vần so với những bài thơ lục bát thông thường?
4. Việc sử dụng liên tiếp hai dòng thơ tám tiếng (*Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm/ Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông*?) có tác dụng gì?
5. Nêu những cảm nhận của em về thời gian, không gian được miêu tả trong bài ca dao.

---

(1) Đây vốn là bài thơ của Ưng Bình Thúc Giạ Thị (1877 – 1961), một nhà thơ nổi tiếng thời Tự Đức, sau đó đã đi vào dân gian, trở thành bài hát dân gian.

6. Giải thích nghĩa của từ *thảm* trong các câu sau và cho biết đây là từ đồng âm hay từ đa nghĩa:

a. *Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai **thảm**.*

b. *Sàn nhà được trải **thảm** trông rất ấm cúng, sang trọng.*

VIẾT

Bài tập 1

Hãy tập gieo vần cho thơ lục bát bằng cách tìm tiếng phù hợp cho mỗi chỗ trống trong các đoạn thơ sau:

(1) *Ngày nay dù ở nơi …*
Nhưng khi về đến cây đa đầu làng
Thì bao nhiêu cảnh mơ …,
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.

(*Theo* Bàng Bá Lân, *Cổng làng*)

(2) *Đêm mưa làm nhớ không …,*
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la.
Tai nương nước giọt mái …
Nghe trời nằng nặng, nghe ta buồn buồn.

(*Theo* Huy Cận, *Buồn đêm mưa*)

Bài tập 2

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) ghi lại cảm xúc của em về đoạn thơ sau:

Đồng chiêm phả nắng lên không
Cánh cò dẫn gió qua thung lúa vàng
Gió nâng tiếng hát chói chang
Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời.

(Nguyễn Duy, *Tiếng hát mùa gặt*)

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Hãy đọc diễn cảm những đoạn thơ lục bát mà em đã hoàn thiện ở bài tập 1 phần Viết.

Bài tập 2

Trình bày cảm xúc của em về đoạn thơ trong bài tập 2 phần Viết.